

**DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRÊN
CÂY TRỒNG VỤ MÙA NĂM 2026**

**I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH THỜI TIẾT, CƠ CẤU GIỐNG VÀ
THỜI VỤ MỘT SỐ CÂY TRỒNG CHÍNH TRONG VỤ MÙA NĂM 2026**

1. Nhận định xu hướng thời tiết

Theo Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia nhận định ENSO đã chuyển sang trạng thái El Niño. Do đó, thời tiết vụ Mùa năm nay sẽ biến động rất mạnh và xuất hiện nhiều hình thái thời tiết cực đoan.

Từ tháng 7 đến tháng 8, nhiệt độ trung bình phổ biến cao hơn từ 0,5-1,5°C so với trung bình nhiều năm (TBNN); nắng nóng xuất hiện trên diện rộng, có khả năng ghi nhận các mức nhiệt độ cao kỷ lục. Tháng 9, nắng nóng có xu hướng giảm dần, số ngày nắng nóng thấp hơn TBNN; tháng 10, nhiệt độ phổ biến vẫn cao hơn TBNN. Trong giai đoạn từ tháng 7 đến tháng 10, tổng lượng mưa dự báo xấp xỉ TBNN, tập trung chủ yếu trong các tháng 8, 9. Hoạt động của bão và áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông được dự báo tập trung nhiều vào giai đoạn từ tháng 7 đến tháng 9.

2. Tình hình sản xuất và cây trồng

2.1. Cây lúa

a) Cơ cấu giống

- Sử dụng các giống Lúa lai: Tạp giao 1, Nhị ưu 838, Kinh sở ưu 1588, Thái Xuyên 111, Việt lai 20 thế hệ mới, HKT99, Lai thơm 6, MHC2.

- Lúa thuần: J02, Thiên ưu 8, TBR225, TBR279, BC15, Hà Phát 3, KD18, Bắc Hương 9, N91, BG6, Tẻ nương Hà Giang; VNR20, Hương thơm số 1, Bắc Thơm số 7, Đài Thơm 8, nếp N97, Nếp Hữu Sản, Già Dui, Tẻ đỏ Bản Phùng, Nếp Quảng Nguyên, Nếp Nữ Cư,...

b) Thời vụ

- Trà Mùa sớm: Các xã vùng núi cao phía Bắc, trên chân ruộng cấy 1 vụ gieo mạ cuối tháng 4 đến đầu tháng 5, cấy từ cuối tháng 5 đến 10/6/2026. Các xã còn lại, trên chân ruộng chủ động tưới tiêu, có kế hoạch trồng cây vụ đông ưa ẩm gieo mạ từ ngày 25/5/2026 đến ngày 10/6/2026; cấy từ ngày 05/6/2026 đến ngày 25/6/2026.

- Trà Mùa chính vụ: Gieo mạ từ ngày 10/6/2026 đến ngày 25/6/2026; cấy từ ngày 25/6/2026 đến ngày 10/7/2026.

- Trà Mùa muộn: Áp dụng cho diện tích thường xuyên bị ngập úng, ven sông, ven suối tại các xã vùng núi phía Đông và thung lũng ven sông Gâm và Vùng đồi núi thấp phía Nam của tỉnh: Gieo mạ từ ngày 25/6/2026 đến ngày 05/7/2026; cấy từ ngày 10/7/2026 đến ngày 20/7/2026.

2.2. Cây ngô: Chủ yếu gieo trồng các giống ngô lai LVN99, LVN 885, Bioseed 9698, NK4300, NK7328, NK66, NK54, CP989, CP511, CP512, CP111, nếp HN88, MX6; giống ngô biến đổi gen NK4300Bt/Gt; giống ngô địa phương.

Thời vụ trồng từ ngày 25/6/2026 đến ngày 20/8/2026 trên đất màu đồi, soi bãi; các xã vùng thung lũng ven sông Lô gieo trồng kết thúc trước 25/7/2026.

2.3. Cây đậu tương: Gieo trồng các giống DT84, DT 90, VX 93, giống địa phương.

Thời vụ trồng từ ngày 20/6/2026 đến ngày 25/7/2026, các vùng thung lũng ven sông Lô kết thúc gieo trước 05/8/2026.

2.4. Cây lạc: Gieo trồng các giống L14, L27, L29, Sen lai, giống địa phương.

Thời vụ trồng từ ngày 25/6/2026 đến ngày 20/8/2026.

II. TÌNH HÌNH DỊCH HẠI HIỆN TẠI TRÊN CÂY TRỒNG

1. Cây lúa mùa (hồi xanh - đẻ nhánh - cuối đẻ nhánh)

- Ốc bươu vàng gây hại rải rác, mật độ nơi cao 1-3 con/m², cục bộ 4-5 con/m².
- Rầy nâu - rầy lưng trắng gây hại nơi cao 20-40 con/m², cục bộ 50-60 con/m².
- Sâu cuốn lá nhỏ gây hại rải rác, nơi cao 3-7 con/m².
- Sâu đục thân 2 chấm, chuột gây hại rải rác, nơi cao 1-3%, cục bộ 5-8% số dảnh.

- Bệnh nghệt rễ, đạo ôn lá, bạc lá, đốm sọc vi khuẩn lá gây hại rải rác, nơi cao 2-3%, cục bộ 5-10% số lá.

2. Cây ngô Hè Thu (mới gieo - 2 - 4 lá)

- Sâu keo mùa thu gây hại rải rác, nơi cao 2-3 con/m², diện tích nhiễm 20 ha.

3. Cây rau, đậu các loại (cây con - phát triển thân lá - thu hoạch)

Bọ trĩ gây hại rải rác, nơi cao 2-3% số cây, nhện trắng gây hại trên cây cà chua, tỷ lệ hại nơi cao 1-3% số cây; sâu ăn lá gây hại rải rác, nơi cao 2-3 con/m²; bệnh lở cổ rễ gây hại rải rác, nơi cao 3-6% số cây; bệnh thán thư ớt gây hại rải rác.

4. Cây lạc Hè Thu (mới gieo - 3 - 5 lá)

Sâu xám gây hại rải rác, sâu cuốn lá gây hại rải rác, nơi cao 2-3 con/m²; bệnh lở cổ rễ gây hại rải rác, nơi cao 3-4% số cây.

5. Cây có múi (phát triển quả - thu hoạch)

- Nhóm nhện nhỏ (nhện đỏ, nhện trắng, nhện rậm vàng) gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 2-3% số lá, số quả.

- Bệnh vàng lá, thối rễ (do bệnh greening, nấm...) gây hại phổ biến 1-3%, nơi cao 4-8%, cục bộ 11-15% số cây.

6. Cây: Đào, lê, mận (phát triển quả - quả xanh - thu hoạch)

Sâu đục thân gây hại rải rác, nơi cao 1% số cây; ruồi đục quả gây hại rải rác, nơi cao 3-4 con/cây; bệnh nấm tua gây hại rải rác, nơi cao 4-6% số lá.

7. Cây nhãn (phát triển quả - quả xanh - thu hoạch)

Bọ xít nâu gây hại rải rác, nơi cao 1-2 con/cành; bệnh thán thư gây hại rải rác, nơi cao 1-2% số lá, cành.

8. Cây chuối (ra hoa - quả xanh - thu hoạch)

Sâu đục thân (*bọ vòi voi*) gây hại rải rác, nơi cao 2-3% số cây; bệnh đốm lá gây hại rải rác, nơi cao 5-6% số lá.

9. Cây chè (ra búp - thu hái)

Rầy xanh, bọ xít muỗi, bọ cánh tơ gây hại, nơi cao 3-4%, cục bộ 5-7% số búp.

10. Cây mía (vươn lóng)

Bọ hung gây hại rải rác, nơi cao 1 con/hố, cục bộ 3 con/hố; rệp sáp, sâu đục thân gây hại rải rác, nơi cao 1-3% số cây.

III. DỰ KIẾN MỘT SỐ DỊCH HẠI CHÍNH TRÊN CÂY TRỒNG TRONG VỤ MÙA NĂM 2026

1. Cây lúa mùa

1.1. Sâu cuốn lá nhỏ

Lúa 5: Trưởng thành bắt đầu vũ hóa từ giữa đến cuối tháng 7; sâu non nở rải rác từ cuối tháng 7, gây hại trên lúa mùa sớm, chính vụ giai đoạn đẻ nhánh - đứng cái - làm đòng. Mật độ phổ biến 10-15 con/m², nơi cao 20-30 con/m², cục bộ trên 50 con/m².

- Lúa 6: Trưởng thành vũ hóa rộ vào cuối tháng 8, sâu non gây hại mạnh từ đầu tháng 9 trở đi chủ yếu trên trà lúa mùa chính vụ và mùa muộn mật độ phổ biến 10-15 con/m², nơi cao 30-50 con/m²; cục bộ trên 100 con/m².

- Lúa 7: Trưởng thành vũ hóa rộ từ giữa tháng 9 trở đi, sâu non gây hại diện hẹp trên lúa mùa cực muộn ở những diện tích lúa thường xuyên bị ngập úng, ven sông, ven suối (*Vùng núi phía Đông và thung lũng ven sông Gâm, sông Lô và Vùng đồi núi thấp phía Nam*) vào cuối tháng 9 và đầu tháng 10, mật độ nơi cao 50-100 con/m².

1.2. Rầy nâu và rầy lưng trắng

- Lúa 5: Rầy cám nở rộ tập trung từ cuối tháng 7 trở đi. Hại diện hẹp giai đoạn đẻ nhánh đến làm đòng, mật độ phổ biến 300-500 con/m², cao 1.000 - 2.000 con/m².

- Lúa 6: Rầy nở rộ từ giữa tháng 8 trở đi, gây hại trên diện rộng ở các giống nhiễm, trên lúa mùa sớm, mùa chính vụ, giai đoạn lúa đòng già đến chắc xanh, mật độ phổ biến 300-500 con/m², nơi cao 2.000-3.000 con/m², ổ cục bộ 5.000-8.000 con/m², sẽ xảy ra hiện tượng gổì lúa, nếu không phòng trừ kịp thời sẽ gây vàng lá, cháy ổ trên lúa từ cuối tháng 8 đến đầu tháng 9 trở đi.

- Lúa 7: Rầy nở từ giữa tháng 9 trở đi gây hại chủ yếu trên lúa mùa muộn, mật độ phổ biến 500-800 con/m², cao 1.000 - 2.000 con/m², cục bộ 3.000-5.000 con/m².

1.3. Sâu đục thân 2 chấm

- Lúa 4: Trưởng thành vũ hóa rải rác từ cuối tháng 7 trở đi, sâu non sẽ gây đánh héo, bông bạc từ đầu tháng 8 trở đi trên trà lúa mùa sớm và mùa chính vụ. Tỷ lệ hại nơi cao 10-15% số đánh, số bông.

- Lúa 5: Trưởng thành vũ hóa từ cuối tháng 8 và đầu tháng 9, sâu non gây bông bạc trên trà lúa mùa chính vụ và gây đánh héo trên lúa muộn, tỷ lệ hại nơi cao 3-5%, cục bộ 8-10% số đánh, số bông.

- Lúa 6: Trưởng thành vũ hóa từ cuối tháng 9 đến đầu tháng 10. Sâu non gây bông bạc trên trà lúa mùa muộn, tỷ lệ hại nơi cao 10-15% số bông.

1.4. Chuột hại: Gây hại ở tất cả các giai đoạn của cây lúa, tăng cao từ giai đoạn làm đồng đến chín; hại nặng trên các ruộng ven làng, gò đồi. Tỷ lệ hại nơi cao 3-5% số đánh, cục bộ 10-20% số đánh.

1.5. Ốc bươu vàng: Gây hại chủ yếu trên các ruộng gần mương, suối và những ruộng vụ trước có mật độ cao; hại trên lúa cấy giai đoạn hồi xanh đến đẻ nhánh rộ, lúa gieo sạ giai đoạn 1-2 lá đến đẻ nhánh rộ. Mật độ nơi cao 3-4 con/m², cục bộ trên 10 con/m².

1.6. Bệnh nghệt rễ, vàng lá sinh lý: Bệnh nghệt rễ, vàng lá sinh lý hại cục bộ một số ruộng bón phân chưa hoai mục, ruộng chua trũng, trầm thụt, không chủ động nước và những ruộng làm đất chưa kỹ, gốc rễ còn tươi, tỷ lệ hại nơi cao 5-10%, cục bộ 30-50% số khóm.

1.7. Bệnh bạc lá và đốm sọc vi khuẩn: Gây hại chủ yếu trên các giống lúa lai, lúa chất lượng cao có bản lá to, mỏng. Bệnh phát sinh, phát triển mạnh từ giai đoạn đứng cái đến cuối vụ, nhất là sau mưa đông, bão, trên các cánh đồng lộng gió và ruộng bón thừa đạm. Tỷ lệ hại nơi cao 8-10% số lá, cục bộ 30-50% số lá.

1.8. Bệnh khô vằn: Phát sinh, phát triển mạnh trên các trà lúa từ giai đoạn đứng cái đến cuối vụ, hại nặng trên ruộng cấy dày, bón thừa đạm hoặc bón đạm muộn; phát triển mạnh trong điều kiện nắng, mưa xen kẽ, chủ yếu từ giữa tháng 8 đến cuối tháng 9. Tỷ lệ hại phổ biến 20-30% số đánh, nơi cao 50-60% số đánh.

1.9. Bệnh đen lép hạt: Thường phát sinh, gây hại phổ biến trong điều kiện thời tiết nhiệt độ và ẩm độ cao, trên trà lúa sớm trở vào cuối tháng 8 đến đầu tháng 9, tỷ lệ bệnh phổ biến từ 12-15% số hạt.

1.10. Bệnh đạo ôn cổ bông: Phát sinh gây hại trên các giống nhiễm BC15, TBR225; Thiên Ưu 8, nếp N97... từ đầu tháng 9 trở đi trên trà lúa mùa chính vụ và mùa muộn đặc biệt khu vực vùng núi cao đêm và sáng có nhiều sương như các xã Lâm Bình, Nà Hang, Nghĩa Thuận, Thông Nguyên,... tỷ lệ hại nơi cao 1-2%, cục bộ 10-20% số bông.

*** Ngoài ra, cần chú ý các đối tượng:** Lúa cỏ ruộng sử dụng giống tự để giống, các ruộng đã nhiễm từ vụ trước nhưng chưa xử lý triệt để; bệnh lùn sọc

đen gây hại trên lúa mùa muộn và cực muộn; nhện gié, bọ xít dài hại nặng trên trà lúa trổ bông - chín sữa.

2. Cây ngô Hè Thu: Sâu keo mùa thu, sâu đục thân gây hại mạnh từ giai đoạn cây con 3-8 lá đến chín sấp; rệp muội, bệnh khô vằn, đốm lá phát sinh gây hại từ giai đoạn cây con, hại nặng giai đoạn trổ cờ trở đi.

3. Cây rau, đậu các loại (cây con - phát triển thân lá - thu hoạch)

Bọ trĩ, nhện trắng tiếp tục gây hại trên cây cà chua; sâu ăn lá gây hại tăng giai đoạn phát triển thân lá; bệnh lở cổ rễ gây hại chủ yếu giai đoạn cây con, bệnh thán thư ột gây hại tăng giai đoạn quả xanh -chín.

4. Cây lạc, đậu tương Hè Thu

- Sâu khoang, sâu cuốn lá gây hại nặng từ giai đoạn phân cành đến ra hoa trở đi.

- Bệnh lở cổ rễ gây hại chủ yếu giai đoạn cây con đến ra hoa; bệnh đốm lá, gỉ sắt hại từ giai đoạn ra hoa trở đi.

5. Cây có múi (cam, bưởi, chanh...)

- Nhóm nhện nhỏ, rệp sáp, bệnh ghẻ sẹo, bệnh loét do vi khuẩn phát sinh và gây hại chủ yếu ở giai đoạn cây phát triển quả.

- Bệnh thán thư (khô núm, rụng quả), bệnh thối nhũn quả gây hại cao từ tháng 7 trở đi; Bệnh vàng lá thối rễ (do bệnh greening, nấm...) gây hại cao sau các đợt mưa lớn tập trung vào các tháng 7, 8.

6. Cây đào, lê, mận

Ruồi đục quả, bệnh thối quả tiếp tục gây hại từ tháng 7 đến tháng 9; bệnh nấm tua, bệnh thán thư gây hại cục bộ trên cây lê sau các đợt mưa tập trung từ tháng 7 đến tháng 9.

7. Cây chuối

Sâu đục thân, bệnh héo vàng lá chuối (Panama) phát sinh và gây hại tập trung tại vùng trồng chuối ba năm tuổi trở lên, đặc biệt trong giai đoạn phát triển quả. Bệnh đốm lá phát sinh, gây hại tăng sau các đợt mưa tập trung từ tháng 7 đến tháng 9.

8. Cây chè

- Rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi tiếp tục gây hại tăng từ cuối tháng 7 đến tháng 9; nhện đỏ gây hại tăng khi gặp điều kiện thời tiết nắng nóng, khô hạn.

- Bệnh thối búp, đốm lá phát sinh gây hại tăng sau các đợt nắng mưa xen kẽ.

9. Cây mía

- Bọ hung đen, sâu đục thân gây hại mạnh từ tháng 6 đến tháng 9. Rệp bông xơ, rệp sáp phát sinh gây hại chủ yếu từ giai đoạn mía vươn lóng đến tích đường từ tháng 8 đến tháng 11, tập trung trên những diện tích khô hạn, chăm sóc kém.

- Bệnh thối đỏ hại nặng giai đoạn cây mía đã vươn lóng cao trở đi từ tháng 8 đến tháng 12.

10. Cây nhãn: Bọ xít nâu, nhện lông nhung phát sinh, gây hại rải rác từ tháng 7 đến tháng 9.

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC PHÒNG TRỪ

Để thực hiện công tác phòng chống sâu bệnh hại trên cây trồng đạt hiệu quả, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đề nghị các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện một số nội dung, cụ thể như sau:

1. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Chỉ đạo cán bộ chuyên môn thường xuyên cập nhật thông báo, dự báo và các biện pháp phòng trừ sinh vật gây hại trên cây trồng của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Trạm Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật khu vực; đồng thời theo dõi sát tình hình phát sinh gây hại của sâu bệnh hại trên đồng ruộng để chỉ đạo tổ chức phòng trừ kịp thời, hiệu quả. Hướng dẫn nhân dân lựa chọn sử dụng các loại thuốc đặc trị, thuốc có nguồn gốc sinh học; sử dụng thuốc theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất để nâng cao hiệu quả của thuốc, bảo vệ môi trường sinh thái.

2. Các Trạm Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật khu vực

- Thực hiện nghiêm túc các quy định trong điều tra, dự tính, dự báo sinh vật hại. Tăng cường điều tra bổ sung tại những thời điểm cây trồng mẫn cảm với sâu bệnh hại, những vùng trồng tập trung, diện tích gieo cấy các giống nhiễm để phát hiện sớm, dự báo chính xác sâu bệnh hại trên các loại cây trồng trong vụ mùa; hướng dẫn các địa phương phòng, chống dịch hại cây trồng đảm bảo kịp thời, hiệu quả.

- Chủ động phối hợp, hướng dẫn cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân các xã, phường kiểm tra đồng ruộng, vùng trồng trên địa bàn để phát hiện sớm sâu, bệnh hại cây trồng và tổ chức phòng trừ hiệu quả.

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Tuyên Quang trân trọng thông báo./.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- TT Trồng trọt và BVTV phía Bắc;
- Thống kê tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND các xã, phường ;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Văn phòng Sở (Đăng tải trang TTĐT);
- Chi cục trưởng; (Báo cáo)
- Các Phó Chi cục trưởng;
- Các phòng, Trạm BV và KDTV khu vực; (Thực hiện)
- Lưu: VT, BVKDTV.

(Báo cáo)

(Phối hợp)

Nguyễn Thành Long